|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH HÀ NAM** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/NQ-HĐND | *Hà Nam, ngày tháng năm 2024* |

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quy định mức thưởng và một số chế độ**

**đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**KHOÁ XIX - KỲ HỌP THỨ…….**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;*

*Căn cứ Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng11 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thưởng và một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra số / ngày tháng năm 2024 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

- Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh Hà Nam lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia và quốc tế.

- Chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu; tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ khi ốm đau, thai sản, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn trong nước và ngoài nước.

**2. Đối tượng áp dụng:**

- Huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ và đội tuyển năng khiếu tỉnh Hà Nam.

- Cơ quan quản lý Nhà nước và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh Hà Nam lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia và quốc tế.**

1. Huấn luyện viên, vận động viên tham dự các giải thi đấu thể thao cấp quốc tế đạt huy chương được thưởng như sau:

a) Vận động viên tham dự các giải thể thao cấp quốc tế đạt huy chương được thưởng thêm bằng 50% mức tiền thưởng do Chính phủ quy định hoặc theo Quyết định thưởng của Cục Thể dục Thể thao.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển đạt huy chương tại giải thể thao quốc tế, mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng của vận động viên quy định tại điểm a khoản này. Đối với môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì số lượng huấn luyện viên được thưởng áp dụng theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 8 Nghị định 152/2018/NĐ-CP.

2. Huấn luyện viên, vận động viên đạt huy chương tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia được thưởng các mức sau:

a) Đối với vận động viên

Đơn vị tính: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cuộc thi** | **Thành tích** | | | |
| **Huy chương vàng** | **Huy chương bạc** | **Huy chương đồng** | **Phá kỷ lục (đạt HCV)** |
| 1 | Đại hội thể thao toàn quốc | 40 | 20 | 10 | 10 |
| 2 | Giải vô địch quốc gia | 15 | 10 | 6 | 6 |
| 3 | Giải cúp quốc gia; Cúp các đội mạnh toàn quốc; Giải vô địch các Câu lạc bộ toàn quốc; Giải vận động viên xuất sắc toàn quốc; Giải vô địch trẻ toàn quốc (quy định 01 lứa tuổi) | 7,5 | 5 | 3 | 3 |
| 4 | Giải vô địch các lứa tuổi trẻ toàn quốc |  |  |  |  |
| *4.1. Vận động viên từ 18 tuổi đến 21 tuổi (không thuộc đối tượng hệ mở rộng)* | 7,5 | 5 | 3 | 3 |
| *4.2. Vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi* | 6 | 4 | 2,4 | 2,4 |
| *4.3. Vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi* | 4,5 | 3 | 1,8 | 1,8 |
| *4.4. Vận động viên đến dưới 12 tuổi* | 3 | 2 | 1,2 | 1,2 |
| 5 | Các giải thể thao khác do Liên đoàn thể thao quốc gia, Hiệp hội thể thao quốc gia, Cục thể dục thể thao tổ chức | 2 | 1,2 | 0,8 | 0,8 |

Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể (hoặc môn có từ 02 người trở lên thi đấu để được một kết quả, thành tích duy nhất) mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng của cá nhân đạt giải theo quy định này.

b) Thưởng đối với huấn luyện viên.

Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên.

Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia có nội dung thi đấu tập thể (hoặc môn có từ 02 người trở lên thi đấu để được một kết quả, thành tích duy nhất) thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên áp dụng theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 8 Nghị định 152/2018/NĐ-CP.

3. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ 2 trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng của cá nhân đạt giải tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia.

4. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc được thưởng mức bằng 50% mức thưởng tương ứng các giải quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này.

5. Các đội thi đấu thành tích chung được xếp hạng toàn đoàn theo quy định của Điều lệ giải, mức thưởng cho đoàn vận động viên tham gia thi đấu đạt thứ hạng nhất, nhì, ba toàn đoàn bằng 03 lần mức thưởng tương ứng 01 huy chương vàng, bạc, đồng cá nhân tại giải đó.

6. Thưởng cho các đội tuyển Bóng đá nữ Hà Nam

Tập thể đội tuyển Bóng đá nữ tham gia thi đấu các giải quốc gia đạt thành tích, ngoài được thưởng theo các mức quy định trên còn được thưởng thêm như sau:

*(Đơn vị tính: triệu đồng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Giải thi đấu** | **Mức thưởng** | | |
| **Huy chương vàng** | **Huy chương bạc** | **Huy chương đồng** |
| 1 | Vô địch quốc gia | 500 | 300 | 200 |
| 2 | Cúp quốc gia | 300 | 200 | 100 |
| 3 | Vô địch U19 quốc gia | 200 | 150 | 100 |
| 4 | Vô địch U16 quốc gia | 150 | 100 | 80 |

**Điều 3: Các chế độ chính sách khác đối với huấn luyện viên, vận động viên**

Các chế độ: Tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu; tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ khi ốm đau, thai sản, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn trong nước và ngoài nước thực hiện theo quy định tại các Điều 3,4,5,6,7 Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

**Điều 4**. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

**Điều 5.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XIX, kỳ họp thứ … thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày .. tháng … năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận****:*  - Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;  - Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ lao động - Thương binh và Xã hội;  - Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ tư pháp;  - Ban Thường vụ Tỉnh ủy;  - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;  - Các ban, các tổ, đại biểu HĐND tỉnh;  - Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;  - Văn phòng Tỉnh ủy,Văn phòng HĐND tỉnh;  - Các Sở: Tài chính, Tư pháp,Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lao động – Thương binh và Xã hội;  - Ban Thường vụ các huyện, thành, thị ủy;  - TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thị xã, thành phố;  - Đài PT-TH tỉnh, Báo Hà Nam, Công báo tỉnh;  - Lưu: VT, phòng CTHĐND. | **CHỦ TỊCH**  **Lê Thị Thuỷ** |